

Cát trắng nơi tôi sống

Ngày mà tôi còn sống, bà vẫn kể rằng, khi sinh tôi ra được ba ngày thì gặp trận Tây càn, mẹ tôi vì vội tránh Tây, đã làm tôi lăn xuống chậu than, may đã tắt hết lửa, thành ra từ đó, da tôi đen cháy. Tôi cãi, mẹ nhớ sai, con sinh năm 1959, hoà bình lâu rồi, Tây đâu nữa mà càn. Mẹ tôi cúi, cho tôi lẩm chuyện. Mẹ lí lẽ, đã sinh ra ở làng cát Quảng Bình, cần chi biết năm tháng. Sinh trên cát, sống vui trong cát, lại sống khoẻ, lại làm nên cơm nên cháo, rửa là góm lấm rồi. Làm một người Quảng Bình phải “góm” lấm mới làm nổi, như rửa thì cần chi biết năm tháng. Tôi nghiệm ra lời mẹ nói phải. Và tôi sống từ cát sống lên thành người, không đi đâu cả. Tôi yêu mảnh đất này. Tôi yêu làng cát mảnh mai của tôi. Tôi yêu cả những câu chuyện hư hư thực thực về làng cát. Cứ vào chiều cuối năm, trời se se lạnh, gió heo may hun hút thổi tràn trên những động cát, tôi một mình giẫm những bước chân trần trên cát ướt. Cảm giác được đặt chân lên mặt cát ướt thật thú vị. Cát không còn ngời lên chói chang trong nắng nữa, cát dịu êm dưới chân, những dấu chân đặt lên cát thấy rõ mòn một. Đứng ở trên cao nhìn xuống, dưới động cát, những dấu chân toả đi bốn phương tám hướng, ra biển, lên đồi, vào rừng phi lao, xuống ruộng, nhìn những dấu chân ấy cũng thấy được bà con làng cát quanh năm tất bật thế nào. Tôi nhìn những dấu chân ấy, quen quen lạ lạ, như đọc được dấu tích làng, như nhìn thấy cái ngày xưa ngày xưa huyền thoại.

Từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh, đột ngột có 5 thanh niên đã không chấp nhận cuộc binh lửa, bỏ chiến trận, đi tìm một góc cát để sống, để lập làng. Năm người khật khưỡng đùn đẩy nhau trèo qua những động cát khô rộp dưới nắng. Suốt ba ngày, cả năm người như cầm. Vũ khí, lương thực, áo quần: Vứt hết! Họ chỉ còn trong tay mỗi người một bầu rượu. Rượu lôi kéo họ kết với nhau thành tình huynh đệ, xô đẩy họ vào âm mưu trốn chạy khỏi doanh trại, thoát thân khỏi cuộc binh đao đang ngày càng khốc liệt ở bờ bắc sông Linh Giang, vái hai lạy vì tội khi quân, bỏ Chúa, bỏ binh, cả năm im lặng thoát thân, chạy không ngoái đầu, phiêu diêu ngất ngưỡng giữa trùng trùng cát.

Rượu thay cơm đã dành, rượu còn thay nước. Nếu không thoát ra được xứ cát nóng rang, khi hết rượu cả năm người sẽ phải chết cùng nhau, còng queo, khô tóp trên cát, trong nắng, vô vọng đường về. Cái chết có thể đã rình rập nhưng vẫn còn xa, hiện tại, cả năm còn khoẻ, còn có thể bước ào lên động cát mà chưa phải chống tay vào đầu gối. Cát ngập mắt. Mồ hôi ngập mắt. Bàn chân hết nóng, chỉ cảm giác ran ran tựa như thịt da đã được hong khô, teo cứng lại. Có thể đây là đỉnh cát cuối cùng, bên kia là đồng bằng? Là nhà cửa? Là sự sống? Không

người nào biết. Nhưng rõ là, nếu không phải là đỉnh cát cuối cùng thì cả năm sẽ phải gục ngã, không cách gì lết thêm một quãng. Những giọt rượu cuối cùng. Cả những giọt mồ hôi cuối cùng. Chút sức lực cuối cùng. Niềm khát vọng cuối cùng. Còn cát thì vẫn trải dài đau đớn trước mắt, dài vô hồi, nóng chang chang, lung linh ánh thủy tinh xói sâu trong mắt.

Đột ngột gió. Đột ngột một mảng xanh tràn mắt. Đột ngột một thềm đất hoang dọn sẵn dưới chân đỉnh cát. Năm người đổ mình xuống, khóc và cười. Thế là đã thấy sự sống. Nhìn đến no mắt, thỏa chí. Cái thềm đất chạy loi thoi dưới chân núi cát kia ba phần dài thườn, phần cuối tóp vào, như chai rượu của trời vứt lại. Đất hoang. Cả năm người hét toang toang với cát, với nắng và ào ào chạy xuống. Cũng không hẳn chạy, cả năm buông người, tuột vun vút từ đỉnh cát xuống chân, cùng úp mặt lên thềm đất hoang sơ, rồi rít tạ trời, dầm dúi nước mắt vào sâu trong đất.

Dạng chân đếm, thềm đất dài hai vạn bước. Cả năm đồng ý chia đất. Mỗi người một vỏ trái bầu đựng rượu chôn ngay xuống thành năm cái mốc. Thế là đã quyết ở lại. Doanh trại Chúa Nguyễn đã quá xa, hết lo đuổi. Nơi tít mù dòng Linh Giang còn nhìn thấy dập dềnh những bóng thuyền buồm, thế là gần chợ. Nhưng năm người không thể tạo thành làng, không thể an cư. Cả năm quyết ra đi tìm... vợ. Rồi cũng lần lượt lóp ngóp lòi về năm ả đàn bà, không là gái chính chuyên, hẳn rồi, nhưng mộng má vú vè đủ cả. Năm cái máy để nhìn nhau cười, bám thắt lưng năm chàng bợm rượu, đủ đực đủ cái, nên vợ nên chồng, tựa như tạo hoá đã xếp đặt, đã dọn chỗ. Đám cưới giữa trời, trên thềm đất hoang, dưới chân cồn cát. Cưới vui trong rượu, trong bánh đa nướng, trong khoai luộc và một rổ ốc nhồi. Đêm đêm năm đôi chui vào năm góc, tắt bật ủa tới nhau. Rình rập cuộc sống, rình rập miếng cơm manh áo, rình rập ước mơ đang đẩy họ sát vào chân núi cát. Năm đôi vợ chồng đã quyết ở lại trên năm thềm đất. Họ ngược mắt nhìn, hoá ra hai đỉnh cát kia cao tròn, vuốt nhọn như bầu vú đàn bà. Họ gọi cái thềm đất mà mình sẽ sống là làng, họ đặt tên cho làng dựa vào hình thù cồn cát: Làng Vú Cát. Họ reo hò vì tên làng. Họ nhảy ào xuống khe nước trong lều chảy ra từ trong lòng cát, mát tươi và ngọt lành.

Chín tháng mười ngày, đúng giờ thìn, năm ả đàn bà đồng loạt lăn đùng ra đẻ. Năm túp lều chen kín tiếng kêu khóc, rung chuyển vật vã. Năm chàng trai sắp thành cha ngồi ngơ ngẩn nhìn, ngơ ngẩn đếm, thóp ruột chờ đợi. Oe oe năm đứa trẻ cùng chui ra một lúc, lăn tròn ra khỏi lòng mẹ nó, lăn tròn xuống cát, lấm lem, nhàu nhoè, hai cái ba đực, tròn lẳn như năm củ khoai, đỏ hồng như củ gấc, khuôn khoảng quờ quạng,

nửa chối từ, nửa chấp nhận làm dân làng Vú Cát này.

Miếng ăn dần thúc từng ngày. Năm người cha trẻ lúng túng xoay dọc xoay ngang, quanh quẩn hoảng loạn bên chân Vú Cát vẫn không đủ no cho một dây người. Năm bà vợ trẻ được tạo hoá ban sẵn sự toan tính, đã bày đường cho năm ông chồng trẻ còng lưng gần nửa tuần trăng, gò, uốn, xây, cất, thành năm lò rượu. Men sẵn ở chợ. Nước trong mạch nguồn Vú Cát. Rượu đâu có thứ rượu lạ lùng, trong lẻo, sùng sục bọt tăm, thơm lừng, ngon tươi, như không phải rượu mà là ma lực của đất trời, không uống thì thôi, uống một lần thao thiết, giăng dít mãi. Rượu bán ở chợ giành nhau. Gạo, mắm, vài vóc cứ thế nêch chặt vào làng Vú Cát. Sống bằng nghề rượu ngon ơ. Người tứ xứ dập dìu mang vác vợ con, lều chõng về làng, xin một thẻo đất, cắm chân, theo nghề nấu rượu. Làng đông dần lên. Lò rượu kín làng. Hương rượu vẩn vù khắp không gian, chuồn chuồn cũng say, chim chóc cũng say, tiếng tăm làng rượu Vú Cát vang ngọt khắp vùng. Năm bà đẻ thêm năm đứa con nữa. Trẻ con lúc nhúc thò ra. Làng thất lại vì tiếng khóc trẻ thơ. Làng nêch chặt người cư trú. Danh làng Vú Cát vang rộng.

Nhòang một cái đã mấy chục năm. Năm gã đàn ông ngày xưa nay thành bô lão. Rồi họ cùng chết già một ngày. Xác họ chôn trên đỉnh Vú Cát, chôn chung, thành mộ tổ của làng. Người làng gọi mộ tổ của mình là Gốc Cát. Gốc Cát còn, làng còn. Mỗi năm một lần, cả làng rùng rùng kéo nhau lên Vú Cát, đội xuống Gốc Cát mỗi người một chai rượu, tế thần làng, kể ơ, xúm xít vái lạy, thỏn thức khấn cầu xin năm ông tổ đã có công khai sinh lập địa ra danh làng Vú Cát thì tiếp tục phù trì bảo hộ, giữ phúc cho cháu con ăn nên làm ra, trên thuận dưới hoà, con đàn cháu đống, sung túc mãi ...

Làng rượu Vú Cát truyền đời. Đàn ông làng khác thềm rượu, âm mưu lấy con gái làng Vú Cát về tạo rượu ngon uống đều bắt thành. Gạo ở đâu cũng giống nhau. Men ở đâu cũng giống nhau. Cách dựng lò nơi nào cũng vậy. Chỉ có nước làng Vú Cát là nước thánh nên tạo ra rượu thánh. Nước ấy, nhỏ nhoi, chảy mỏng tang trên mặt đất, nhưng là thứ nước được vắt ra, vò xoắn ra từ sự vật vã, sự khô nóng, từ nguồn cội khát khao của điệp trùng cồn cát, nước như máu, nước như nước mắt của cát trắng ngời, nước như sữa cát, không thay thế được.

Muốn an cư tại làng Vú Cát thì phải nấu rượu. Đã nấu ra rượu không lẽ không uống. Cả làng khi nào cũng chao chiêng trong say. Say thì bày chuyện gây sự chửi nhau, không vì hận thù mà vì thú chơi, chửi cũng là cách chơi của người say, khi say, chửi sướt cả mồm, chửi vã mồ hôi, chửi bay cả rượu. Người làng Vú Cát thành ra quen chửi. Con gái làng Vú Cát cũng vì đắm rượu nên cũng đắm tình. Lớn lên, nếu

không ngả ngớn, vụng trộm với dăm ba thằng đàn ông thì hổ danh đàn bà làng Vú Cát.

Làng Vú Cát nay khác thời lập làng. Cát đã lấn làng, ăn lẹm vào mạng sườn của làng mỗi năm vài mét, mấy đời qua, cát cướp đất làng vừa đúng hai chục nóc nhà. Thềm đất có hình chai rượu đang thóp lại, dài ra, hỏn hển cất giữ cả ngàn sinh mạng, cả ngàn lò rượu với đàn đàn lũ lũ súc vật. Làng Vú Cát còn thêm tiếng cất giữ nhiều kho chuyện, lại toàn chuyện của người làng, do người làng truyền miệng kể, thật giả, đúng sai, hư thực không ai quan tâm. Cứ đêm đêm, rủ rủ dưới gốc tre, bên chân lò vôi, trên đồi vú cát, trên võng, đầu đầu cũng thấy người làng khề khà rượu và khề khà chuyện. Có người chỉ một mình cũng rồn rảng kể cho mình nghe...

Tóc cát

Không ai nhớ là vào năm nào, tháng nào, bỗng dưng ở cuối làng Vú Cát lại nổi vòng lên một cồn đất. Cồn đất trông như hòn núi nhỏ. Thầy địa lý reo mừng vì làng đã vào vận may. Nhưng mấy ông thầy tướng thì bĩu môi, chỉ vài năm nữa, làng sẽ bị chôn sống. Chôn sống là chuyện nhảm nhí nhưng vận may cũng chẳng thấy đâu. Cồn mô đất ngày càng cao dần, đến ngang ngọn cây dừa mới thôi. Người làng chẳng biết sử dụng mô đất ấy vào việc gì. Chẳng mấy lúc, cỏ dại đua nhau mọc um tùm. Chim chóc tha từ rừng về những hạt cây đủ loại, thả xuống mô đất, vài chục năm sau, một chòm rừng tí hon cũng đã tạo cho mô đất vẻ bí hiểm. Đàn bà con gái nhất quyết không bén mảng tới. Người ta đồn nhau là ở đấy có ma. Tầm chín mươi giờ đêm, từ trong chòm rừng ấy văng vẳng tiếng đàn bà khóc nghe vời vọi như vọng lên từ dưới âm ti địa ngục. Chỉ có những con sâu rượu của làng là không biết sợ. Khi say người ta còn biết sợ gì. Họ vẫn thường chui vào rừng cây đánh một giấc thật đẫy, yên tĩnh và hoàn toàn không bị ai quấy rầy. Thỉnh thoảng đám cờ bạc ở thị trấn lén lút kéo nhau vào chòm rừng này sát phạt. Đây là chuyện những năm đầu khi hình thành chòm rừng. Sau đó không còn ai lại vắng nữa. Chòm rừng hoang vắng. Chim chóc tụ về loạn xạ. Đêm đêm tiếng cú mèo rúc lạnh buốt cả không gian.

Cây cối phát triển như có thần thánh yểm trợ, sau mỗi năm cây lại cao thêm, già đi, cành lá sum suê. Trên các tán lá, cây tơ hồng mọc loằng ngoằng, rợp cả rừng. Nhìn từ xa, chòm rừng đột ngột cao vổng, xanh ngắt, ngược hoàn toàn với màu trắng chói chang của những cồn cát. Trên cái nền trắng toát cổ hủu của làng, chấm vào một chòm xanh, trông là lạ, tựa như chòm tóc sột lại trên cái đầu trọc của một người khổng lồ. Người làng quen gọi chòm rừng ấy là chòm tóc của cát. Đến

năm hợp tác hoá, chỏm rừng trên cồn đất ấy bắt đầu được trưng dụng triệt để. Hợp tác xã Vú Cát phải thành lập thêm một đội sản xuất thủ công nghiệp theo chủ trương của trên. Không có đội thủ công nghiệp coi như hợp tác xã vẫn không làm ăn lớn, không thể tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng với làng Vú Cát, nhiều đời nấu rượu, làm sao có công nghiệp? Không lẽ lại thành lập đội nấu rượu. Huyện cũng đánh công văn về, làm nghề gì không biết nhưng công nghiệp của làng Vú Cát không thể là nền công nghiệp nấu rượu. Ban chủ nhiệm họp ba đêm liền, tốn rượu vô chừng vô kể nhưng vẫn không tìm ra dấu hiệu của một nền công nghiệp. Đến sáng ngày họp thứ tư, một ông già làng vắng ngồi gần cuộc họp để vào: “Vôi. Vôi. Không biết có phải nền công nghiệp hay không nhưng vôi rất cần”. Sáng cả cuộc họp. Vôi! Vôi! Vôi! Cả làng râm ran bàn tán. Đúng là như có quý nhân phù trợ, vậy mà nghĩ không ra. Vôi. Cần phải thành lập đội sản xuất vôi. Vôi cũng là công nghiệp. Cồn đất có chỏm rừng xanh ngắt vẫn được gọi là tóc cát ấy lập tức được chọn làm địa điểm xây dựng lò vôi. Chỉ không đến hai ngày, theo lệnh của ban chủ nhiệm, cánh trai làng xông vào chỏm rừng, cạo sạch từng gốc cây ngọn cỏ, chỏm cây trọc lóc như mái tóc của một gã khổng lồ bị cạo, trơ đất, xám xịt một màu. Rồi cũng chỉ nửa tháng, người ta đã xây xong lò vôi, tròn tròn, cao cao, cũng nhỉnh cao hơn ngọn dừa, nhìn như một pháo đài bằng đá. Dưới chân pháo đài, người ta trở một cửa vào, đủ rộng để đưa củi và đá vôi vào nung. Đích thân ông chủ tịch huyện được mời về chuẩn bị làm lễ đốt lửa lò vôi, mở màn cho nền công nghiệp lò vôi của làng bắt đầu hình thành và chắc chắn sẽ phát triển. Mọi thứ đã chuẩn bị xong xuôi. Bài diễn văn quan trọng của làng cũng đã hoàn thành rất chu đáo do chính ông trưởng phòng văn hoá thông tin huyện viết hộ với cái giá năm lít rượu. Đội văn nghệ làng được huyện tặng cường hai cây măngđôluyn, một sáo, một đàn bầu để tập hợp xưởng Em yêu Vú Cát quê em do chính ông đội trưởng đội lò vôi sáng tác. Mười bảy con gà, hai mươi bốn con vịt, bảy mươi tư chai rượu, sáu tút thuốc Đờ Sơn, ba mươi cân nếp, tất cả cũng đã sẵn sàng. Còn hai giờ nữa đến giây phút thiêng liêng: Đốt lò. Đột nhiên ùng ùng máy bay Mỹ đến, đánh nhau chí chóe với lực lượng Hải Quân ở cửa sông Linh Giang, thả bom bừa bãi khắp nơi, thả bom xuống làng Vú Cát, một quả bom rơi chéo bên cạnh lò vôi, sạt mất một góc lò. Đội lò vôi trở thành đội súng 12 li 7. Từ ngày đó, làng Vú Cát mãi mãi không nhìn thấy khói lò vôi bay lên một lần nào. Tuy thế, người làng vẫn quen gọi cái ụ đất được xây cất bởi cái vòng đá cao cao ấy là lò vôi. Lò vôi bỏ hoang. Hoang ngắt. Chẳng còn gì ở đấy cho người ta lui tới nữa. Cây dại cỏ hoang lại tua tủa trùm lên và hàng

ngàn, hàng vạn con chim đủ loại kéo nhau tụ tập về, biển lò vôi trở thành cái chợ chim, hót inh tai nhức óc .

và hàng ngàn, hàng vạn con chim đủ loại kéo nhau tụ tập về, biển lò vôi trở thành cái chợ chim, hót inh tai nhức óc . của các đôi trai gái, huyện chọn luôn lò vôi làm công viên giải trí. Người ta đến công viên lò vôi để nghỉ ngơi, hóng mát trong những ngày nắng nóng. Người ta đến đây cũng là để tò mò nghe kể lại lai lịch về chòm tóc của đỉnh cát làng.

Phận cát

Phận cát chiếc F4H của giặc Mĩ. Với thành tích này, chị nổi tiếng cả tỉnh Quảng Bình, ba lần được gặp Bác Hồ, được đi tham quan Liên Xô, rồi sau đó... cũng gần ba mươi năm tiếp theo, không ai còn nhớ đến chị nữa, không ai còn biết đến chị Nguyễn Thị Xuân bắn rơi máy bay Mĩ. Bước chân của người đàn bà đã gần tuổi sáu mươi liêu xiêu trên cát, dáng chị như dáng một dấu phẩy- phải thôi, may mà dáng chị còn như một dấu phẩy, ngắt nhịp sống đang ồn ã và lăm lo toan này lại cho tôi và mọi người kịp nhớ đến chị khi nhìn lại bức ảnh một thời nổi tiếng: Bác Hồ tặng hoa phong lan cho ba nữ dân quân gái....

15 tuổi chị Xuân vào trung đội dân quân nữ của xã Quảng Phúc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Tôi chờ đợi một câu trả lời về động cơ vào trung đội dân quân của chị Xuân ngày đó, tỉ như vì căm thù đế quốc Mĩ, tỉ như vì lòng yêu nước thương nòi, tỉ như để trả thù cho quê hương... Không. Chị nói thật bụng cái lí do vào trung đội dân quân khiến tôi cảm động: “Ngày nớ tui mù chữ, lại còn con nít, không biết chi đến động cơ động kiếc, to tát. Mạ tui chết, ba tui lấy dì, ba anh em tui sống với dì ghê. Dì lại sinh đến bốn đứa con, tui bông bế, ăn đói, mặc rách, cực lắm. Tui nằng nặc xin vô dân quân vì vô dân quân thì không phải ở nhà hầu hạ bà dì ghê lắm mồm, lại có công điểm, có ăn chia, có khoai lúa. Được như rửa là tui nằm mơ thấy tiên rồi. Mấy chú trong xã đội nghe tui trình bày rửa, thương, cho vô dân quân”. Chị Xuân bước đi bước dừng trên cát, rồi chị đưa tay vốc lên nắm cát, xoắn xít trong lòng tay, nhìn trời ngó đất: “Ngày cùng chị em trực chiến máy bay mỗi người được chấm ba điểm. Đêm đi tuần tra ven biển được chấm ba điểm nữa. Cứ được mười điểm tức là một công, một công tức là được chia ba lạng lúa hoặc năm lạng khoai, mỗi tháng vài chục công, đủ sống. Mà đã đủ sống rồi thì mất tui không tha bầu trời làng mình. Ngày mô tui cũng xung phong trực chiến. Hồi đó (những năm 1967, 1968) máy bay đánh phá dữ lắm, làng tui gần phà sông Gianh nên máy bay càng đánh phá dữ. Trưa ngày sáu tháng mười hai năm một chín sáu bảy, các chị về ăn cơm, một mình tui trực. Một chiếc F4H bay vào cất bom ở phà Gianh, nó bay sát trên mặt sông, súng ba bảy li, pháo cáo

xạ của bộ đội chịu, không bắn được. Tui ôm lấy khẩu đại liên, rê nòng theo chiếc máy bay đang phơi bụng trắng ngất trên động cát. Tui toác miệng ra chửi: “Tổ cha mi máy bay” rồi kéo cò. Hai mươi ba viên đạn cả thầy. Máy bay cháy. Cả làng nhào ra hò hét. Tui bị vùi trong vòng tay vui sướng của bà con. Có ai đó chửi yêu: “Tổ cha con Xuân, rằng mi tài rứa?”. Chị Xuân dừng lời, cười, nắm cát rung trong bàn tay chị. Bằng thành tích này, chị Xuân được đi tham quan Liên Xô, rồi cùng với chị Trương Thị Khuê, Trần Thị Bưởi, các chị được gặp Bác Hồ. Trong lần gặp đầu tiên, Bác Hồ đã tặng các chị những bông hoa phong lan hái ngay trong vườn Phủ Chủ tịch. Sau đó, thêm hai lần nữa, Bác Hồ cho các chị vào chơi với Bác, ăn cơm với Bác. Mặc dù Bác Hồ cho phép chị ở lại Hà Nội học văn hoá nhưng chị Xuân đã xin Bác về lại Quảng Bình tiếp tục chiến đấu.

Năm 1999, huyện Quảng Trạch đón danh hiệu anh hùng LLVT. Tôi làm phim tài liệu về huyện nhân ngày lễ trọng này. Trong danh sách hàng trăm khách mời là con em đã có công làm nên thành tích chống Mĩ của huyện nhà, tôi không nhìn thấy tên chị Xuân. Huyện không còn nhớ đến chị, cũng không ai còn biết chị đang sống hay chết, đang ở nơi nào. Tôi mất ba ngày tìm chị khắp nơi, hỏi người làng, người ta cũng chỉ nói lơ mơ, không xác thực. Đoàn làm phim chúng tôi đã tìm được chị Xuân ngay giữa đồng lúa ở một huyện khác - huyện Bố Trạch, khi chị đang gập lưng gặt lúa, cháy nắng. Nghe chúng tôi trình bày, chị khóc. Chị nói, hơn 30 năm rồi mới có người nhớ đến chị. Sau ngày lễ trọng ấy, chị Xuân được nhiều người biết đến.

Bây giờ lại ngồi bên chị giữa động cát làng, tôi hỏi: “Đã có nhiều năm không ai nhớ đến chị, chị buồn không?”. Chị Xuân lắc đầu: “Không buồn nhưng tủi thân. Nghĩ cái phận đàn bà làng cát nó vậy, như cát thôi mà, có người nâng niu hạt cát vì đó là sự sống chết, vui buồn của đời mình, như tui, cũng có người đạp cát mà đi, không nhớ chi. Phận đàn bà làng cát tui có giặc thì tham gia đánh giặc, hết giặc thì lo lấy chồng, sinh con, nuôi con, cày măt trong cát kiếm cho con cái đủ miếng ăn, được đi học, rứa là xanh mướt rồi, còn thời gian chi nữa mà buồn, mà đòi hỏi nhà nước phải quan tâm. Tui lấy chồng, sinh được tám đứa con, nuôi được sáu đứa, bảy cháu nội ngoại, cuộc sống ổn định rồi, có nhà cửa, có công việc, cháu con ngoan ngoãn, tử tế. Phận đàn bà làng cát được như rứa là quá mừng. Hồi trẻ được vô dân quân, được bắn rơi máy bay, được gặp Bác Hồ, được đi nước ngoài, bây chừ về già thì con đàn cháu đống, đủ sống, êm ấm trong ngoài, còn mong chi nữa. Có mấy chú tình đội hứa với tui, trợ giúp tui ít tiền cát lại căn nhà cũ giệt, hứa rồi đi, không thấy chi, thôi thì còn nhiều người có

công lao nhưng khổ hơn mình. Còn nhiều người Quảng Bình cả đời hy sinh mà có được vinh hạnh gặp Bác Hồ, ăn cơm với Bác Hồ như mình mô. Nghĩ rứa nên vui, nên thanh thản, không thắc mắc, không đòi hỏi đái ngộ. Phận đàn bà làng cát như tui, cái khổ nhiều như cát, không đếm xuể, cơm ăn trộn cát quen miệng rồi, rứa là trọn vẹn cả rồi, có chi mà buồn nữa...”.

Tôi đưa chị về lại huyện Bố Trạch, quê chồng. Ông Dương Hạnh gầy gò, xách rượu mời tôi một cốc và cười khà khà: “Rứa là chú bị vợ tui lừa rồi. Không phải như bà ấy nói mô, cứ nói như rứa thì vợ chồng con cái tui e sợng cả. Nhưng mà bà ấy kể rứa là để chú nghe cho lọt tai thôi. Nói thiệt, sau ngày chấm dứt chiến tranh, vợ chồng tui dắt nhau vô đây, cắm nhà trên cát, ba đứa con dại, ăn bột sắn, bột ngô, hai vợ chồng cày mặt trên cát quanh năm họa may mới khỏi chết đói. Được đến như chừ, ui chao là gian nan”. Chị Xuân nhìn tôi: “Cực chớ rằng không cực. Nhưng mà tui cực từ trước khi làm vợ ông, kể ra rứa thì biết kể chi? Tui nói sai à? Phận đàn bà làng cát như tui, có chồng con, nhà cửa, có thành tích, gặp Bác Hồ, đi nước ngoài, được bao nhiêu thứ đó thì có kể cái cực ra cũng không thắm. Đúng rứa không?”. Ông chồng chị Xuân gật đầu: “Có nhiều đợt cực quá, vợ chồng kéo nhau ra động cát ngồi tính toán cả đêm, làm răng để kiếm đủ cái ăn nuôi các con trưởng thành. Tui vẫn nhớ lời vợ tui: Tui là vợ ông, lập được thành tích, có cực phải chịu, vợ chồng gắng sức, không được kêu ca. Mình lờ mồm kêu ca, người ta sẽ phê bình là công thần, là đòi hỏi. Làm to như Bác Hồ, khi tui đến gặp Bác, Bác chỉ mang chiếc quần bà ba nâu, áo lụa, đi dép cao su, tay cầm cái gậy mây, bữa cơm chỉ ba món: Cà pháo, rau muống luộc và thịt ngỗng kho mặn, Bác cũng đòi hỏi chi, hướng là mình, đàn bà làng cát, rứa là hạnh phúc lắm rồi, không kêu ca...”.

Có công trạng như chị Xuân vẫn biết lùi lại góc làng nhỏ, cặm cùi cùng chồng con lao động cần mẫn để tự lực sống, tự lực nuôi dạy con nên người, không đòi hỏi, không đổ kị, vui với niềm vui của người đàn bà làng cát, làm phận một người mẹ vùng cát, thế cũng là công trạng. Chị Xuân khoe với tôi: “Trong bức ảnh Bác Hồ tặng hoa phong lan cho ba đứa tui, bây chừ có chị Trương Thị Khuê nghe nói làm to ở Hội Phụ nữ Việt Nam ngoài Hà Nội đó. Rứa là được. Tui ở làng cát làm nông dân, còn chị Khuê làm to ngoài Trung ương. Rứa là vui rồi chú hề?”.

Tôi cố ý sắp xếp lẫn lộn những câu chuyện huyền thoại về làng cát của mình và cả những câu chuyện có thực về chân dung người làng cát của tôi. Thì cát là thế, hư hư thực thực. Như những bàn chân trên cát ướt kia, cũng hư hư thực thực, đâu là dấu chân của ngày hôm nay và

đâu là dấu chân của ngày xưa. Cát trường thọ theo đời con người, có khi màu cát trắng như mái tóc người già, có khi màu cát trắng như màu tang tóc. Nhưng giữa cái điệp trùng muôn thuở kia của cát lại ló rạng vài chùm hoa xương rồng nở muộn, đỏ chói, lại thêm những cành mai vàng trên cát, cánh mai vàng rực, nở loà trên màu cát trắng. Xa chút nữa là biển, xanh ngắt. Tôi chưa từng thấy ở đâu đẹp như làng cát của mình...n

N.Q.V

(Báo Văn nghệ)